

BIỂU 01: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 241/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Trảng Định)

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	Chỉ tiêu	Dự toán tại Nghị Quyết số 580/NQ-HĐND ngày 17/12/2024		Dự toán điều chỉnh tăng		Dự toán sau điều chỉnh	
		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	944.121	949.971	173.053	173.053	1.117.174	1.123.024
<i>1</i>	<i>Các khoản thu điều tiết</i>	<i>49.690</i>	<i>55.540</i>			<i>49.690</i>	<i>55.540</i>
<i>2</i>	<i>Thu bổ sung từ cấp tỉnh</i>	<i>894.431</i>	<i>894.431</i>	<i>173.053</i>	<i>173.053</i>	<i>1.067.484</i>	<i>1.067.484</i>
-	Bổ sung cân đối	748.383	748.383			748.383	748.383
-	Bổ sung có mục tiêu	146.048	146.048	173.053	173.053	319.101	319.101

BIỂU 02: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 241/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Trảng Định)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán tại Nghị Quyết số 580/NQ-HĐND ngày 17/12/2024		Dự toán điều chỉnh tăng		Dự toán sau điều chỉnh	
		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	944.121	949.971	173.053	173.053	1.117.174	1.123.024
1	Các khoản thu điều tiết	49.690	55.540			49.690	55.540
2	Thu bổ sung từ cấp tỉnh	894.431	894.431	173.053	173.053	1.067.484	1.067.484
-	Bổ sung cân đối	748.383	748.383			748.383	748.383
-	Bổ sung có mục tiêu	146.048	146.048	173.053	173.053	319.101	319.101
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	944.121	949.971	173.053	173.053	1.117.174	1.123.024
I	Tổng chi cân đối ngân sách	798.073	803.923	173.053	173.053	971.126	976.976
1	Chi đầu tư phát triển	24.649	26.649			24.649	26.649
2	Chi đầu tư phát triển bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			86.196	86.196	86.196	86.196
3	Chi thường xuyên	757.463	761.313	86.857	86.857	844.320	848.170
4	Chi dự phòng ngân sách	15.961	15.961			15.961	15.961
II	Chi thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác	146.048	146.048			146.048	146.048

BIỂU 03: TỔNG HỢP BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2025*(Kèm theo Nghị quyết số: 241/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện Trảng Định)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Tổng số kinh phí bổ sung	Ghi chú
A	Điều chỉnh tăng thu ngân sách huyện năm 2025 từ ngân sách tỉnh	173.052,523	
1	KP hỗ trợ đề án phát triển GTNT giai đoạn 2021 - 2025	280,000	Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh
2	Kinh phí thực hiện chính sách BHYT năm 2024	4.163,000	Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh
3	Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng, quản lý, khai thác, bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030	158,000	Quyết định 701/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND tỉnh
4	Kinh phí hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở từ các CTMTQG	1.000,000	Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh
5	Kinh phí đầu tư XD CB thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã	1.000,000	Quyết định 805/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh
6	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2025	3.709,000	Quyết định 806/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh
7	Kinh phí vốn đầu tư đối ứng CTMTQG xây dựng nông thôn mới	790,000	Quyết định 648/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh
8	Kinh phí hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở từ các CTMTQG	7.508,000	Quyết định 926/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh
9	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 18/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	1.966,523	Quyết định 990/QĐ-UBND ngày 30/4/2025 của UBND tỉnh
10	Kinh phí Vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2025	13.593,000	Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 30/4/2025 của UBND tỉnh
11	Kinh phí thực hiện hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở từ các CTMTQG	720,000	Quyết định 1121/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh
12	Kinh phí thực hiện hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ	870,000	Quyết định 1158/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh

STT	Nội dung	Tổng số kinh phí bổ sung	Ghi chú
13	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (hợp đồng đơn vị sự nghiệp năm 2024): 843 triệu đồng; kinh phí thu hồi tạm ứng kinh phí thực hiện dự án cầu Pắc Luông, huyện Tràng Định: 3.389 triệu đồng	4.232,000	Quyết định 1161/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh
14	Kinh phí vốn sự nghiệp CTMT PTKTXH vùng đồng bào DTTS và MN	52.484,000	Quyết định 1194/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh
15	Kinh phí thực hiện Tiểu dự án giải phóng mặt bằng thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	80.579,000	Quyết định 1187/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh
B	Điều chỉnh tăng chi ngân sách năm 2025 từ ngân sách tỉnh	173.052,523	
1	Kinh phí đã giao chi tiết cho các đơn vị	22.188,453	
1.1	Kinh phí hỗ trợ đề án phát triển GTNT giai đoạn 2021 - 2025	280,000	Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 và 1373 ngày 29/5/2025 của UBND huyện
1.2	Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng, quản lý, khai thác, bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030	158,000	Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 của UBND huyện
1.3	Kinh phí hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở từ các CTMTQG	8.910,000	Quyết định 936/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; Số 1232 ngày 13/5/2025; 1388 ngày 30/5/2025 của UBND huyện
1.4	Kinh phí đầu tư XD CB thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã	1.000,000	Quyết định 864 ngày 17/4/2025 ngày 18/4/2025 của UBND huyện
1.5	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2025	3.708,930	Quyết định 1060 ngày 28/4/2025 của UBND huyện
1.6	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 18/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	1.966,523	Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND huyện
1.7	Kinh phí thực hiện hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ	870,000	Quyết định 1388/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND huyện
1.8	Kinh phí Vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2025	5.295,000	Quyết định 1398/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện

STT	Nội dung	Tổng số kinh phí bổ sung	Ghi chú
2	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết, tiếp tục phân bổ và theo dõi trong năm 2025	150.864,070	
2.1	Kinh phí thực hiện chính sách BHYT năm 2024	4.163,000	Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh
2.2	Kinh phí hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở từ các CTMTQG	318,000	Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 20/3/2025; Số 926/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh
2.3	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2025	0,070	Quyết định 806/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh
2.4	Kinh phí vốn đầu tư đối ứng CTMTQG xây dựng nông thôn mới	790,000	Quyết định 648/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh
2.5	Kinh phí Vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2025	8.298,000	Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 30/4/2025 của UBND tỉnh
2.6	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (hợp đồng đơn vị sự nghiệp năm 2024): 843 triệu đồng; kinh phí thu hồi tạm ứng kinh phí thực hiện dự án cầu Pắc Luông, huyện Tràng Định: 3.389 triệu đồng	4.232,000	Quyết định 1161/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh
2.7	Kinh phí vốn sự nghiệp CTMT PTKTXH vùng đồng bào DTTS và MN	52.484,000	Quyết định 1194/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh
2.8	Kinh phí thực hiện Tiểu dự án giải phóng mặt bằng thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	80.579,000	Quyết định 1187/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh